

Số: 628/2020/QĐST - HNGĐ

Gò Vấp, ngày 19 tháng 6 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 471/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13/5/2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N; cùng địa chỉ: Số S, Lô E, chung cư H, đường N, Phường B, quận G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyền số 01/2013, ngày 24/10/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện A, tỉnh Nam Định cấp.

[2] Theo đơn yêu cầu Tòa án nhận ngày 29/4/2020; Biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 11/6/2020. Bà N và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông bà không có con chung. Tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải. Xét thấy, bà N và ông T thật sự tự nguyện ly hôn.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01/2013, ngày 24/10/2013 do Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện A, tỉnh Nam Định cấp **không còn hiệu lực**.

1.2. Về con chung: Ông T và bà N không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà N và ông T chịu. Cấn trừ tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu số AA/2019/0026044, ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bà N và ông T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS quận G
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hạnh